

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 117 /2023/HS-ST

Ngày 15/9/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Hồng Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Vượng và ông Hoàng Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 109/2023/TLST-HS ngày 25 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2023/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn D, sinh ngày 10/7/1987 tại huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang; Nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Dân tộc: Kinh; giới tính: nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960; Vợ: Đinh Thị O, sinh năm 1992; con: Có 03 con; Anh chị em ruột: Có 08 người, bị cáo là con thứ 07. Nhân thân: Không.

Tiền sự: Quyết định số 09/QĐ-XPHC ngày 11/01/2023 của Công an xã V, huyện S xử phạt Nguyễn Văn D. 1.500.000 đồng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 17/01/2023, D. đã nộp phạt.

Tiền án: Bản án số 25/2017/HSST ngày 15/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn xử phạt tiền 5.000.000 đồng về tội Đánh bạc, án phí HSST 200.000 đồng. Ngày 12/5/2022, Nguyễn Văn D. đã nộp 200.000 đồng án phí HSST và 100.000 đồng tiền phạt (Số tiền phạt còn lại và tiền lãi theo quy định chưa chấp hành).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/6/2023 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

2. Nguyễn Văn K, sinh ngày 01/2/1990 tại huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang; Nơi cư trú: Thôn C, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Dân tộc: Kinh; giới tính: nam;

nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 05/12; Con ông Nguyễn Văn H. (đã chết) và bà Phan Thị N, sinh năm 1947; Vợ, con: Không có; Anh chị em ruột: Có 11 người, bị cáo là con thứ 11; Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/6/2023 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang (Có mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Đinh Thị O, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (Có mặt).

2. Anh Trần Văn H, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Tổ 4, khu X, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 24/5/2023, bị cáo Nguyễn Văn D. đi đến xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang để tìm mua ma túy về với mục đích sử dụng và bán lại cho người khác để kiếm lời. Khi đến xã S, huyện S, D. gặp và mua ma túy của một người đàn ông không quen biết với số tiền 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*) được 01 (một) gói ma túy được gói bằng giấy màu trắng bên trong có chứa chất bột vón cục màu trắng. Về nhà D. chia gói ma túy thành 20 (hai mươi) gói nhỏ, gói bằng giấy trắng có chữ màu đen. Sau đó, D. lấy 01 gói ma túy nhỏ mà D. vừa chia ra để sử dụng bằng hình thức tiêm chích vào cơ thể.

Trong các ngày 24/5/2023 và 01/6/2023, bị cáo Nguyễn Văn D. đã 02 (hai) lần bán ma túy cho bị cáo Nguyễn Văn K, cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng 18 giờ 40 phút ngày 24/5/2023, bị cáo K. sử dụng số điện thoại 0392.513.181 gọi đến số 0862.989.518 là số điện thoại của bị cáo D. để hỏi mua ma túy với số tiền 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) thì D. đồng ý và hẹn K. đến dốc nhà thờ thuộc Thôn V, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang để tiến hành giao dịch mua bán ma túy. Sau đó D. mang 01 (một) gói ma túy nhỏ trong tổng số 20 (hai mươi) gói ma túy D. đã chia trước đó đến để bán cho K. với số tiền 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*). Sau khi mua được ma túy K. đã cầm gói ma túy đến khu vực vắng, không có người qua lại thuộc thôn C, xã V, huyện S và sử dụng bằng hình thức đốt hít vào cơ thể, sau khi K. sử dụng ma túy xong thì đi về nhà.

Lần 2: Khoảng 09 giờ 10 phút ngày 01/6/2023, bị cáo K. tiếp tục sử dụng số điện thoại 0392.513.181 gọi cho bị cáo D. để hỏi mua ma túy với số tiền 400.000đ (*bốn trăm nghìn đồng*) thì D. đồng ý và hẹn K. đến lán có địa chỉ tại thôn V, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang để tiến hành việc giao dịch mua bán ma túy. K. điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, biển kiểm soát 23D1-036.02 để đi đến điểm hẹn (xe mô tô trên là K. mượn của anh Trần Văn H. để sử dụng cho việc đi lại). Khi đến nơi đã hẹn với D, K. đưa cho D. số tiền 400.000đ (*bốn trăm nghìn đồng*) và được D. đưa lại cho 02 (hai)

gói ma túy được bọc bằng giấy màu trắng có chữ viết. Sau khi lấy được ma túy, K. cất số ma túy vừa mua được vào túi áo bên trái phía trước đang mặc rồi điều khiển xe đi về. Khi điều khiển xe mô tô đi đến khu vực đèo Tỉnh thuộc thôn T, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang thì bị tổ công tác của Đội Cảnh sát phòng chống tội phạm về ma túy Công an huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang kiểm tra phát hiện và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang vào hồi 10 giờ 00 phút cùng ngày. K. tự giác giao nộp 02 (hai) gói ma túy đã mua của D, bên trong 02 (hai) gói chứa chất bột vón cục trắng nghi là ma túy Heroine. K. khai nhận toàn bộ số ma túy trên K. đã mua của Nguyễn Văn D. với mục đích để sử dụng cho bản thân.

Hồi 11 giờ 30 phút ngày 01/6/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang đã tiến hành khám xét người và chỗ ở của bị cáo Nguyễn Văn D, thu giữ:

- + Tại thôn V, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, bị cáo Nguyễn Văn D. đã tự giác giao nộp: 02 (hai) gói bằng giấy màu trắng có chữ, số màu đen, bên trong chứa chất bột vón cục màu trắng nghi là ma túy Heroine; số tiền 400.000đ (*bốn trăm nghìn đồng*) là số tiền D. đã bán ma túy cho K. được D. để trong túi quần đang trước D. đang mặc; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, bên trong lắp 02 sim, có số 0852.992.878 và số 0862.989.518.

- + Tại lán thuộc thôn V, xã V, huyện S, bên trong túi bên phải phía trước áo khoác treo tại vách lán có 02 (hai) gói bằng giấy màu trắng có chữ, số màu đen, trong trong chứa chất bột vón cục màu trắng nghi là ma túy Heroine.

- + Tại nhà ở thuộc Thôn T, xã V, huyện S tại phòng để đồ ở tầng 2 phát hiện 01 (một) gói bằng giấy màu trắng có chữ, số màu đen, bên trong chứa chất bột vón cục màu trắng nghi là ma túy heroine để trong lỗ viên gạch. Tại phòng ngủ tầng 1 phát hiện số tiền 4.500.000đ (*bốn triệu năm trăm nghìn đồng*).

Ngày 01/6/2023, xét nghiệm tìm chất ma túy trong cơ thể bị cáo Nguyễn Văn D. và bị cáo Nguyễn Văn K, kết quả: (+) dương tính với ma túy.

Tại Kết luận giám định số 787/KL-KTHS ngày 05/6/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận số chất bột màu trắng trong 05 (năm) gói thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn D. ngày 01/6/2023 là chất ma túy, loại Heroine, có tên khoa học là Diacetylmorphine (được quy định tại Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi năm 2017 và Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất), khối lượng 0,331g (không phải ba ba một gam).

Tại Kết luận giám định số 788/KL-KTHS ngày 05/6/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận số chất bột màu trắng trong 02 (hai) gói thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn K. ngày 01/6/2023 là chất ma túy, loại Heroine, có tên khoa học là Diacetylmorphine (được quy định tại Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi năm 2017 và Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất), khối lượng 0,242g (không phải hai bốn hai gam).

Từ nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 119/CT-VKSSD ngày 24 tháng 8 năm

2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn D. về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Truy tố bị cáo Nguyễn Văn K. về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 điều 249 của Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn D. phạm tội mua bán trái phép chất ma túy; bị cáo Nguyễn Văn K. phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn D.** từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 năm tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn K.** từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 02 phong bì niêm phong trong có chứa chất ma túy; tịch thu sung quỹ nhà nước 02 điện thoại di động của các bị cáo; tịch thu sung quỹ nhà nước 600.000 đồng của bị cáo D. do bán ma túy mà có, trả lại cho chị Ôn số tiền 4.300.000 là tài sản của chị Ôn không liên quan đến việc phạm tội của bị cáo D.

Ngoài ra, đại diện viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, buộc bị cáo phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn D. và Nguyễn Văn K. đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung cáo trạng truy tố; các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì, nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, các bị cáo không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến gì để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình. Khi nói lời sau cùng các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và nội dung cáo trạng truy tố. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh qua biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, biên bản khám nghiệm hiện trường cùng các tài liệu, chứng cứ khác

có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

* Về hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo Nguyễn Văn D.: Trong các ngày 24/5/2023 và 01/6/2023, bị cáo Nguyễn Văn D. có hành vi 02 (hai) lần bán trái phép chất ma túy cho bị cáo Nguyễn Văn K, cụ thể:

Lần 1: Khoảng 18 giờ 40 phút ngày 24/5/2023, tại khu vực dốc nhà thờ thuộc Thôn V, xã V, huyện S, bị cáo D. bán trái phép cho bị cáo K. 01 (một) gói ma túy với số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Lần 2: Khoảng 09 giờ 10 phút ngày 01/06/2023, tại lán của gia đình bị cáo ở thôn V, xã V, huyện S, bị cáo D. bán trái phép cho bị cáo K. 02 (hai) gói ma túy với số tiền 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, ngày 01/06/2023 bị cáo Nguyễn Văn D. còn tàng trữ trái phép 0,331g (không phẩy ba ba một gam) heroine, mục đích bán để kiếm lời.

* Về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo Nguyễn Văn K.: Hồi 10 giờ 00 phút, ngày 01/6/2023 tại khu vực đèo Tỉnh thuộc thôn T, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Bị cáo K. đã có hành vi tàng trữ 0,242g (không phẩy hai bốn hai gam) Heroine với mục đích để sử dụng cho bản thân.

Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tác hại của ma túy nhưng bị cáo D. vẫn nhiều lần bán trái phép chất ma túy và bị cáo K. tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng cho bản thân, đây là lỗi cố ý trực tiếp. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương truy tố truy tố bị cáo Nguyễn Văn D. về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Truy tố bị cáo Nguyễn Văn K. về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 điều 249 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

[2] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn K. không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn D. phạm tội thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3] Về mức án đối với các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an tại địa phương và là một trong những nguyên nhân thường gây ra các tội phạm, tệ nạn xã hội khác nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình. Xét nhân thân và mức độ phạm tội của các bị cáo thấy rằng, bị cáo Nguyễn Văn D. có nhân thân xấu, ngày 11/01/2023 bị Công an xã V, huyện S. xử phạt về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo đã nộp phạt nhưng chưa hết thời gian được coi là quá thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; năm 2017 bị TAND huyện Yên Sơn phạt tiền 5.000.000 đồng về hành vi đánh bạc, chưa thi hành xong khoản tiền

phạt, chưa được xóa án tích. Bị cáo không lấy đó làm bài học cải tạo bản thân mà còn phạm tội mới, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo 02 lần bán trái phép chất ma túy cho bị cáo K. và tàng trữ trái phép 0,331g Heroine mục đích để bán kiếm lời nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung quy định tại khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn K. có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, bị cáo là đối tượng nghiện, có hành vi mua và tàng trữ trái phép ma túy để sử dụng làm gia tăng tệ nạn xã hội, tạo điều kiện cho các đối tượng bán trái phép chất ma túy nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội của các bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử xét mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định các bị cáo không có tài sản gì có giá trị nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (*phạt tiền*) đối với các bị cáo.

[5] Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn D. 0,331g (không phải ba ba một gam) Heroine, thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn K. 0,242g (không phải hai bốn hai gam) Heroine. Sau khi lấy đi giám định số còn lại cùng bao bì được niêm phong trong 02 (hai) phong bì có dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang và chữ ký của các bị cáo. Đây là vật chứng của vụ án thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành, nên cần tịch thu tiêu hủy.

Thu giữ của bị cáo D. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, của bị cáo K. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh. Các bị cáo đã sử dụng điện thoại vào việc liên lạc để mua bán ma túy và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Do vậy, cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với số tiền 4.900.000 đồng thu giữ của bị cáo D, trong đó có 600.000 đồng là tiền bị cáo bán ma túy cho bị cáo K. mà có nên tịch thu sung quỹ Nhà nước. Số tiền 4.300.000 đồng là tài sản của chị Đinh Thị O, không liên quan đến việc phạm tội của bị cáo D. nên tuyên trả lại cho chị O.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda loại xe Wave màu cam đen bạc, biển số đăng ký 23D1-036.02 thu giữ của bị cáo K, đây là tài sản của anh Trần Văn H. do bị cáo mượn để làm phương tiện đi làm. Ngày 09/8/2023 Cơ quan CSĐT Công an huyện Sơn Dương đã trả lại xe cho anh H. nên HĐXX không xem xét.

[6] Về các vấn đề khác: Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo Nguyễn Văn D. và Nguyễn Văn K, ngày 09/6/2023 Công an huyện Sơn Dương đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, hình thức phạt tiền mỗi bị cáo 1.500.000 đồng (Quyết định số 160, 161/QĐ-XPHC).

Đối với người đàn ông bán ma túy cho bị cáo Nguyễn Văn D. tại khu vực xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, do không xác định được tên, tuổi, địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ để điều tra, xử lý.

Đối với anh Trần Văn H. khi cho bị cáo K. mượn xe mô tô không biết bị cáo sử

dụng vào việc đi mua ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý.

Đối với Chị Đinh Thị O. (là vợ của bị cáo Nguyễn Văn D.) không biết bị cáo D. cất giấu ma túy và để tiền bán ma túy vào sổ tiền chung của gia đình nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý.

Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sơn Dương, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo:

Các bị cáo Nguyễn Văn D. và Nguyễn Văn K, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm b khoản 2 Điều 251 - Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn D. phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, bị cáo Nguyễn Văn K. phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 - Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn D. 07** (bảy) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (01/6/2023).

3. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 - Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn K. 01** (một) năm **03** (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (01/6/2023).

4. Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 02 bì niêm phong bên trong có chứa Heroine, ngoài bì có dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang và chữ ký của các bị cáo là vật chứng của vụ án thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung của bị cáo D. và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh của bị cáo K.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Sơn

Dương với Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Dương ngày 05/9/2023).

- Tịch thu số tiền 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) do bị cáo D. bán ma túy mà có sung quỹ nhà nước

- Trả lại cho chị Đinh Thị O. số tiền 4.300.000 đồng (bốn triệu ba trăm nghìn đồng) là tài sản của chị O.

(Số tiền trên hiện đang tạm gửi tại tài khoản số 3949.0.1064844.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương mở tại Kho bạc Nhà nước huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang).

5. Căn cứ vào Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Các bị cáo Nguyễn Văn D. và Nguyễn Văn K, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/9/2023).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND tỉnh TQ;
- VKSND huyện SD;
- Công an huyện SD;
- Chi cục THADS huyện SD;
- Trại tạm giam Công an tỉnh TQ;
- Thi hành án hình sự;
- UBND xã V.;
- Những người tham gia TT;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tạ Hồng Chiến